HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2023/NQ-HĐND	*Hải Dương, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; ở thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn *(xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã)* và ở thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, khu dân cư; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư; mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, khu dân cư;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu dân cư;

d) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư;

đ) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Mỗi xã, thị trấn có 18 chức danh; mỗi phường có 20 chức danh, cụ thể:

a) Trưởng ban Tuyên giáo (kiêm nhiệm);

b) Phó Trưởng Ban Tuyên giáo (kiêm nhiệm);

c) Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra (kiêm nhiệm);

d) Trưởng khối Dân vận (kiêm nhiệm);

đ) Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;

e) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra (kiêm nhiệm);

g) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;

h) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên;

i) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;

k) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

l) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;

m) Nhân viên hỗ trợ Văn phòng;

n) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;

o) Trưởng Đài truyền thanh;

p) Nhân viên thú y;

q) Nhân viên biên tập và thể hiện bản tin hàng ngày (kiêm nhiệm);

r) Chủ tịch Hội người cao tuổi (kiêm nhiệm);

s) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ (kiêm nhiệm);

t) Trưởng ban Bảo vệ dân phố *(đối với phường)* (kiêm nhiệm);

u) Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố *(đối với phường)* (kiêm nhiệm).

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Mức phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã chưa qua đào tạo bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm y tế theo quy định (*chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo);*

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên ngoài được hưởng mức phụ cấp theo điểm a khoản 2 Điều này còn được hỗ trợ mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ đào tạo như sau:

- Trung cấp: 0,21 lần mức lương cơ sở;

- Cao đẳng: 0,35 lần mức lương cơ sở;

- Đại học: 0,69 lần mức lương cơ sở.

c) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã chưa qua đào tạo, trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực *(từ ngày 01 tháng 8 năm 2023)* phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định. Hết thời hạn mà chưa đáp ứng thì thực hiện chế độ nghỉ hưu *(nếu đủ điều kiện)* hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư, gồm:

a) Bí thư chi bộ thôn, khu dân cư;

b) Trưởng thôn, Trưởng khu dân cư;

c) Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu dân cư.

Khuyến khích việc kiêm nhiệm chức danh Bí thư Chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, Trưởng khu dân cư hoặc Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu dân cư.

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư

Mức phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư (*chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo).*

Điều 4. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư

1. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, *(gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh)*:

- Cấp xã loại I: 15 triệu đồng/tổ chức/năm;

- Cấp xã loại II: 13,5 triệu đồng/tổ chức/năm;

- Cấp xã loại III: 12 triệu đồng/tổ chức/năm.

2. Khoán kinh phí hỗ trợ chi phụ cấp cho chi hội trưởng và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, khu dân cư, *(gồm: Ban Công tác Mặt trận, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh):*

- Chi đoàn, chi hội thuộc thôn dưới 350 hộ gia đình, khu dân cư dưới 500 hộ: 4,5 triệu đồng/tổ chức/năm;

- Chi đoàn, chi hội thuộc thôn từ 350 hộ gia đình trở lên, khu dân cư có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, khu dân cư thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành khu dân cư do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã: 06 triệu đồng/tổ chức/năm.

Điều 5. Chức danh, mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư

1. Chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư

Mỗi thôn, khu dân cư bố trí 02 người để đảm nhiệm 03 chức danh, cụ thể:

- Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu dân cư;

- Công an viên (đối với thôn), Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố (đối với khu dân cư);

- Thôn đội trưởng, Khu đội trưởng.

2. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư: Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu dân cư được hưởng mức bồi dưỡng 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng, các chức danh còn lại được hưởng mức bồi dưỡng 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 6. Việc bố trí kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư

1. Việc bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư như sau:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn bố trí việc kiêm nhiệm đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư cho phù hợp với thực tiễn;

b) Cán bộ, công chức cấp xã được bố trí kiêm nhiệm không quá 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, khu dân cư;

d) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư được bố trí kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư;

đ) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư được bố trí kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư.

2. Mức phụ cấp *(hoặc mức hỗ trợ)* kiêm nhiệm:

a) Cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu dân cư được bố trí kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp (hoặc mức hỗ trợ) của chức danh kiêm nhiệm *(không bao gồm hỗ trợ mức phụ cấp theo trình độ đào tạo)* kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm;

b) Phụ cấp *(hoặc mức hỗ trợ)* kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các nội dung không quy định ở Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NQ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

3. Bãi bỏ Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về việc quy định mức phụ cấp, khoán số lượng, định mức kinh phí chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên

trách ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;

(*để báo cáo*)

- TT HĐND, UBND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo HD, Đài PT-TH tỉnh, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC 1

MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI TỪNG CHỨC DANH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ - HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Chức danh	Đối với phường			Đối với xã, thị trấn			Ghi chú
		Phường loại I	Phường loại II	Phường loại III	Xã, thị trấn loại I	Xã, thị trấn loại II	Xã, thị trấn loại III	
Tổng số		**21**	**18**	**15**	**21**	**18**	**15**	
1	Trưởng ban Tuyên Giáo	0,4	0,4	0,35	0,4	0,4	0,35	kiêm nhiệm
2	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	0,4	0,4	0,35	0,4	0,4	0,35	kiêm nhiệm
3	Trưởng khối Dân vận	0,4	0,4	0,35	0,4	0,4	0,35	kiêm nhiệm
4	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo	0,3	0,3	0,2	0,3	0,3	0,2	kiêm nhiệm
5	Ủy viên UBKT	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	kiêm nhiệm
6	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
7	Phó Chủ tịch UBMTTQ	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
8	Phó Chủ tịch Hội LHPN	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
9	Phó Chủ tịch Hội nông dân	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
10	Phó Chủ tịch Hội CCB	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
11	Phó BT Đoàn TNCSHCM	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
12	Nhân viên hỗ trợ văn phòng	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
13	Phó Chỉ huy trưởng QS	1,6	1,6	1,2	1,65	1,65	1,3	
	Phó Chỉ huy trưởng QS	1,6			1,65			
14	Trưởng đài truyền thanh	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
15	Nhân viên thú y	1,45	1,3	1,05	1,55	1,4	1,15	
16	Nhân viên biên tập và thể hiện bản tin hàng ngày	0,8	0,75	0,65	0,85	0,85	0,7	kiêm nhiệm
17	Chủ tịch Hội NCT	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	kiêm nhiệm
18	Chủ tịch Hội CTĐ	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	kiêm nhiệm
19	Trưởng ban Bảo vệ dân phố (Đối với phường)	0,6	0,6	0,6				kiêm nhiệm
20	Phó Trưởng Ban Bảo vệ dân phố (Đối với phường)	0,45	0,45	0,45				kiêm nhiệm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

PHỤ LỤC 2

CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP KHOÁN ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, KHU DÂN CƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng theo phân loại quy mô hộ gia đình của thôn, khu dân cư	
		Thôn có dưới 350 hộ gia đình, khu dân cư có dưới 500 hộ gia đình	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, khu dân cư có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, khu dân cư thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành khu dân cư do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã
1	Bí thư Chi bộ thôn, khu dân cư	1,6	2,1
2	Trưởng thôn, Trưởng khu dân cư	1,6	2,1
3	Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, khu dân cư	1,3	1,8

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG